

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30-3-2018

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Định

2. Ông Nguyễn Văn Sum

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2018 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2018/QĐXX-ST ngày 15 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp XS, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Chị Hữu Thị Kiều T, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 08/9/2017 cũng như tại phiên tòa, anh Nguyễn Minh T trình bày:*

Hôn nhân: Anh T và chị T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được, anh T và chị T đã ly thân từ tháng 11 năm 2017 cho đến nay. Tại phiên tòa, anh T yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân với chị Hữu Thị Kiều T.

Con chung tên Hữu Thái N, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2008 (giới tính nam), hiện do chị T nuôi dạy. Khi ly hôn, anh T tự nguyện để cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo mức cấp dưỡng do pháp luật quy định.

Tài sản chung: Anh T, chị T tự thỏa thuận. Nợ chung không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

** Tại bản tự khai ngày 15/3/2018 và tại phiên tòa, chị Hữu Thị Kiều T trình bày:*

Chị T thống nhất với phần trình bày của anh T về mối quan hệ như: Hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và mâu thuẫn vợ chồng.

Hôn nhân: Chị T và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã ly thân từ tháng 11 năm 2017 cho đến nay nên chị T thống nhất chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh T.

Con chung: Chị T và anh T có 01 con chung Hữu Thái N, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2008 (giới tính nam), hiện do chị T nuôi dạy. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo mức cấp dưỡng do pháp luật quy định.

Tài sản chung: Chị T và anh T tự thỏa thuận phân chia, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Nguyễn Minh T khởi kiện yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân với bị đơn là chị Hữu Thị Kiều T nhưng do anh chị chung sống không đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận quan hệ vợ chồng; chị T có địa chỉ tại ấp XS, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Minh T và chị Hữu Thị Kiều T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng anh chị không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống do bất đồng quan điểm nên anh chị không còn chung sống với nhau từ tháng 11 năm 2017 cho đến nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận anh Nguyễn Minh T và chị Hữu Thị Kiều T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Cháu tên Hữu Thái N, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2008 (giới tính nam). Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, anh T tự nguyện giao cháu Nguyễn cho chị T tiếp tục nuôi dạy. Xét thấy, cháu N hiện do chị T nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con sẽ ảnh hưởng đến tình cảm của cháu. Hơn nữa, vào ngày 15 tháng 3 năm 2017 cháu N có ý kiến và nguyện vọng được tiếp tục chung sống cùng chị T. Vì vậy, cần tiếp tục giao cháu Hữu Thái N cho chị Hữu Thị Kiều T tiếp tục nuôi dạy, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo mức cấp dưỡng do pháp luật quy định là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình. Anh T không trực tiếp nuôi dạy cháu Nguyễn nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung: Tại phiên tòa, anh T và chị T xác định tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không đặt ra yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Thời gian chung sống, anh T và chị T xác định không có nợ chung. Tại đơn xác nhận ngày 06 tháng 02 năm 2018, Ủy ban nhân dân xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xác nhận hiện Ủy ban nhân dân xã không có nhận đơn về nợ đối anh T và chị T. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Minh T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 14, 53, 81, 82 và Điều 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Minh T và chị Hữu Thị Kiều T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Hữu Thái N, sinh ngày 01 tháng 6 năm 2008 (giới tính nam) cho chị Hữu Thị Kiều T tiếp tục nuôi dạy. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ bản với số tiền 650.000 đồng (*mức lương cơ bản hiện nay là 1.300.000 đồng*), phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn đủ 18 tuổi, anh T không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày chị Hữu Thị Kiều T có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Nguyễn Minh T chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền nêu trên thì anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Tài sản chung: Anh T và chị T tự thỏa thuận. Nợ chung: Không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Minh T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Minh T phải nộp 300.000 đồng.

Vào ngày 08 tháng 02 năm 2018 anh T có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0005268 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, đối trừ anh T còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Khoa